

CHÍNH SÁCH “GIÁO HÓA” CỦA TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI VÙNG NÚI MIỀN TRUNG (1802-1883)

BÙI TIẾN HUÂN*

TÓM TẮT

Đề tài “Chính sách “giáo hóa” của triều Nguyễn đối với vùng núi miền Trung (1802-1883)” nghiên cứu về công cụ “quyền lực mềm” đã được triều Nguyễn sử dụng như một chính sách cai trị và được áp dụng lần đầu tiên tại vùng núi miền Trung Việt Nam.

ABSTRACT

*“Cultivation” policy of the Nguyen dynasty for the people
on the mountains in the Central Vietnam(1802-1883)*

The article is about the result of the research on “Cultivation policy of the Nguyen dynasty for the people on the mountains in the Central Vietnam (1802-1883)” that shows the “soft power” tool was used by the Nguyen dynasty as a ruling policy firstly applied on the mountains in the Central Vietnam.

1. Vài nét về chính sách “giáo hóa” của triều Nguyễn tại vùng núi miền Trung (1802-1883)

Vùng núi miền Trung dưới triều Nguyễn bao gồm miền tây các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay, và các châu “*ki mi*” gồm: Cửu Châu ki mi, Trấn Ninh, Trấn Tĩnh, Trấn Định, Trấn Biên, Lạc Biên, Trấn Nam,... Đó là một khu vực rộng lớn, tiếp giáp tới tận bờ bắc của sông Khung. Đây là nơi cư trú của hơn 20 tộc người bản địa và nhiều nhóm tộc người ngoại phiên khác. Vùng núi miền Trung chiếm trọn phần phía đông và một phần phía tây của dãy Trường Sơn, là nơi cung cấp những nguồn hàng quý hiếm cho

chính quyền Đàng Trong và ngoại quốc. Vùng núi miền Trung còn là vùng “*phên dậu*” phía tây của kinh đô Huế.

Kế tục quản lý một khu vực tự nhiên và chiến lược quan trọng nhưng cũng hết sức phức tạp, do các triều trước để lại, ngay từ khi mới lên nắm quyền lực chính trị trong cả nước, triều Nguyễn đã cho ban hành và thực hiện một chính sách quản lý nhà nước mang tính toàn diện trên cả vùng núi của miền Trung, từ tổ chức hành chính, trị an, cho đến phát triển kinh tế và giáo hóa nhân dân, tức bao gồm cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội, mà một trong những chính sách nhằm góp phần duy trì trật tự trị an và cố kết cộng đồng dân tộc – quốc gia ở vùng núi miền Trung là chính sách “giáo hóa” của triều đình Nguyễn. Chính sách đó được triều Nguyễn kế thừa và phát triển từ các chính sách đối với biên cương của các triều đại Lý, Trần, Lê, và có tham khảo cả những biện pháp áp

* ThS, Viện Nghiên cứu Giáo dục
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

dụng của triều Thanh đối với các nước lân bang. Bài viết này nhằm trình bày về chính sách “giáo hóa” của triều Nguyễn đối với vùng núi phía tây của mảnh đất miền Trung, một hình thức đặc biệt trong chủ trương lan tỏa văn hóa, lấy phát triển văn hóa để có kết cộng đồng dân tộc, nhằm làm cho “phên dậu” được vững chắc, đồng thời qua đó chúng tôi cũng chỉ ra những mặt hạn chế của triều Nguyễn trong chính sách nói trên.

2. Việc thực thi chính sách “giáo hóa” của triều Nguyễn tại vùng núi miền Trung (1802-1883)

Vùng núi miền Trung dưới triều Nguyễn, nơi tiếp giáp với các quốc gia láng giềng là Lào và Campuchia, nơi cư trú của đông đảo các tộc người thiểu số ở Việt Nam, trở thành địa bàn chiến lược (phên dậu) của đất đế đô về phía tây. Tại đây, triều Nguyễn chủ trương thực thi chính sách “giáo hóa” đối với đồng bào các dân tộc, xem đó là nhiệm vụ tối quan trọng trong quá trình gắn kết họ với triều đình và với cộng đồng chung của dân tộc Việt Nam, với mục đích đảm bảo vấn đề trật tự trị an nơi biên cương của quốc gia và thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng của các dân tộc ở Việt Nam.

Chủ trương trên đây đã được thể hiện qua chỉ dụ của vua Minh Mạng vào năm 1829. Lúc bấy giờ, chín châu đạo Cam Lộ đưa đến Kinh đô Huế 9 con voi đực xin được cống tiến và tạ ơn triều đình, nhà vua bèn bảo với bộ Lễ rằng: “Chín châu thần thuộc triều đình đã lâu. Năm ngoài biên cảnh có việc, mới nghe hịch triều thì hưởng ứng ngay. Trẫm thấy lòng thành cảm kích nên chuẩn cho kỳ

cống năm nay tới Kinh để thưởng cho. Và lại họ ở nơi xa lánh, từ trước đến nay, chưa từng tập quen lễ độ, nay mới mặc phẩm phục mà đã có thể đến lạy ở chốn điện đình không sai nghi thức, thực là do lòng thành khẩn hướng theo phong hóa, trẫm rất khen nên cho thêm 3 người Thổ tri châu, 6 người Đại hành, 17 người Thổ lại mặc áo sa đều 1 cặp, 10 người đầu mục áo sa đều 1 cái, để cho họ đều biết quen mặc áo mũ mà dần dần tiến đến thánh giáo mãi mãi” [5, tr. 855].

Cùng với việc ban áo mũ, vua Minh Mạng còn ban “tên họ” cho các thổ tri châu: “*Thổ tri châu Mường Vành là Kiểm cho họ Lâm, thổ tri châu Na Bôn là Xiết cho họ Thạch, thổ tri châu Thượng Kế là Phủ cho họ Khâu, thổ tri châu Tá Bang là Chiêu cho họ Lĩnh, thổ tri châu Xương Thịnh là Khả cho họ Sơn, thổ tri châu Tâm Bồn là Nội cho họ Hương, thổ tri châu Ba Lan là Ngân cho họ Đồng, thổ tri châu Mường Bồng là Huân cho họ Cốc, thổ tri châu Làng Thìn là Đôn cho họ Thiết” [5, tr. 855-856]. Hay đối với những vùng đất mới mở ở miền tây Thanh – Nghệ, các viên chức cấp phủ, huyện được bổ dụng quan chức nhưng tên gọi còn theo thổ tục, cũng đã được nhà vua ban cho họ “*Tại Nghệ An: Thổ Tri huyện Huyện Liêm thuộc phủ Trấn Ninh tên là Uẩn, nay ban cho họ Triễn; hoặc Thổ Huyện thừa tên là Đông Xi được nhà vua ban cho họ Đông, tên Hi... Tại Thanh Hóa: Thổ Tri huyện huyện Trình Cốc, thuộc phủ Trấn Man tên là La, được nhà vua ban cho họ Cẩm, tên là Hóa...*” [6, tr. 275 -276].*

Theo Minh Mạng, việc thực hành “giáo hóa” để các nhóm dân tộc thiểu số tiến bộ ngang với người Kinh là một điều tối cần thiết, nhưng phải làm từng bước, không thể làm nhanh, gây đột ngột, khiến người ta khó lòng tuân phục và chịu theo. Hơn nữa, việc đặt huyện, lập phủ tất phải có quan cai trị và lính canh giữ, nhưng vua cho rằng việc cần thiết là quan trên phải thể hiện sự gương mẫu, giữ mình trong sạch, tuyên dương uy đức của triều đình, cốt cho “dân Man” hiểu biết mà cảm mến, thổ mục sợ oai mà bỏ dần thói cũ, nhiễm theo phong hóa của người Kinh.

Vào năm 1832, triều đình đổi trấn Thuận Thành thành phủ Ninh Thuận và triều thần cho rằng: *“Trấn Thuận Thành là nước Chiêm Thành xưa, thần phục triều đình hơn 200 năm nay, hằng năm dâng cống sản vật địa phương, nhân dân ở lẫn lộn với tỉnh Bình Thuận. Khoảng niên hiệu Gia Long (1802-1819) mới đặt ra quan chức, viên dịch, thấy thối nát tai mắt, dần thành thói Kinh; nếu thêm vào đó bằng chính trị và giáo hóa, dùng lối người Kinh thay thói người Hời thì không ngoài vài mươi năm, tương có thể không khác gì người Kinh vậy... Vậy xin đặc cách sai quan Kinh một phen kinh lý để cho sự thể được giống như người Kinh”* [6, tr.391].

Mục đích của nhà vua vốn rất tốt đẹp, mang tầm nhìn toàn diện, có lý có tình. Tuy nhiên, nếu chỉ áp dụng duy nhất các biện pháp giáo hóa cho vùng núi miền Trung thì không đủ, mà cùng với chính sách “giáo hóa” cần phải có thêm các chính sách về kinh tế và chính trị

mang tính hợp lý và thân dân. Điều này phụ thuộc vào người đứng đầu chính quyền ở địa phương, mà trước hết là các viên quan của tỉnh, huyện do nhà nước cử. Do đó, Minh Mạng cho ban bố một bản quy định cụ thể về các chức danh, nhiệm vụ của những người đứng đầu các cấp chính quyền ở địa phương nhằm phát huy cao nhất nhiệm vụ giữ gìn an ninh ở vùng biên cương và giáo hóa nhân dân các dân tộc, vì lẽ họ đều là *“những con đờ”* của triều đình. Theo quy định đó, các quan chức người Kinh có nhiệm vụ phải “giáo hóa” cho nhân dân miền núi, còn các quan chức người thiểu số thì lo việc quản dân và thu thuế, dưới sự chỉ đạo của quan trên.

Công cuộc “giáo hóa” ở đây hoàn toàn do người Kinh nắm giữ. Và triều đình có khuyến khích một số con em các thổ tù đi học để về làm quan thay cho người Kinh làm nhiệm vụ này. Đồng thời, để tạo sự hòa hợp, ăn ý giữa các quan lại người Kinh và người dân tộc trong hoạt động quản lý lãnh thổ, cai trị nhân dân, nhà Nguyễn còn cho phép đưa thầy giáo người Kinh lên dạy chữ cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi. Và Trương Đăng Quế, sau khi phụng mệnh vua Minh Mạng đi kinh lý ở tỉnh Thanh Hóa trở về, cũng đã tâu bày: *“Dân thổ từ trước đến nay chỉ làm đây tở thổ tù, phàm con em thổ tù mới được đón thầy học tập, còn lại đều ngăn cấm, nên thổ dân phần nhiều ngu dốt bị mê hoặc; nay xin cho các viên huyện châu chọn con em thổ dân, những người hơi sáng suốt, dạy cho học chữ để biến đổi phong tục của người Man”* [8, tr. 76-77].

Cũng dưới triều Nguyễn, triều đình cho đặt chức Huấn đạo tại mỗi tỉnh, nhất là ở tỉnh lớn, để đảm nhận nhiệm vụ “*giáo hóa*” dân chúng, tuy nhiên tại những vùng núi thì tùy theo địa bàn mà có thể chỉ đặt chức Tổng giáo. Vào năm 1874, nhà nước cho phép các tỉnh, đạo có thổ dân thuộc hạt muốn đi học thì liệu lý đặt các chức quan chăm lo về dạy học. Và một trong những nội dung quan trọng trong chính sách giáo hóa là việc truyền bá Nho học, nhằm củng cố lòng trung thành đối với nhà vua và sự phục tùng đối với nhà nước trung ương.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chủ trương này, các viên chức thừa hành địa phương đã áp dụng một cách cứng nhắc, mang tính áp đặt và một chiều. Những ghi chép về các đoàn quân viễn chinh của Đại Nam trong nỗ lực bình định những vùng đất mới đều không cung cấp cho chúng ta những thông tin hữu ích về một chính sách “*giáo hóa*”. Bóng dáng của những viên chức có nhiệm vụ khai hóa, tuyên dụ những hình ảnh tốt đẹp và cao quý về uy đức của nhà vua là quá ít ỏi so với những nhiệm vụ cấp thời trong việc ổn định tình hình quân sự, chính trị. Các viên toàn quyền, tổng đốc, tham tán, án sát, bố chính nắm giữ quyền lực chỉ biết sử dụng sức mạnh về quân sự hơn là phát huy sức mạnh của “*quyền lực mềm*”, do đó những ảnh hưởng về mặt “*giáo hóa*” vẫn chủ yếu nằm ở ý chí chính trị hơn là thực tế. Cũng do đó mà những ghi chép về vùng núi hay những vùng đất mới hầu như chỉ là đề cập đến các cuộc nổi loạn của người thiểu số và hành động trấn áp từ phía quan quân triều đình, mà hầu như vắng bóng các ghi chép về việc

mở trường dạy học. Tính chất một chiều trong “*giáo hóa*” còn được thể hiện ngay cả ở người đứng đầu quốc gia. Đó là việc vua Minh Mạng đã từng khiển trách một viên quan khi ông này chủ trương cho người Kinh học “*tiếng Man*”. Theo nhà vua, triều đình phải tìm ra những “*người Man*” có tố chất để học tiếng Kinh chứ không nên làm ngược lại.

Lỗi tư duy một chiều, cùng với cái nhìn cực đoan đã khiến cho chính sách “*giáo hóa*” tại vùng núi miền Trung không được trọn vẹn, và hệ quả tất yếu là vùng núi miền Trung đã không theo kịp với tiến trình phát triển ở vùng đồng bằng và duyên hải, khiến các khu vực trên lãnh thổ Đại Nam phát triển bất tương xứng. Những ghi chép về tình hình địa lý, điều kiện sinh thái nhân văn của các tộc người thiểu số, cũng như những thông tin về vùng núi rất hiếm gặp trong các tác phẩm khảo cứu của triều đình. “*Vũ man tạp lục thư*” của Nguyễn Công Tấn là một công trình quý song thuộc loại hiếm hoi, ít gặp. Tác phẩm đã cung cấp cho chúng ta những thông tin có giá trị về vùng núi ở Quảng Ngãi, vốn là địa bàn cư trú của người “*Mọi Đá Vách*”, một nhóm tộc người thiểu số hay có những hành động chống lại triều đình.

Trong quá trình thực hiện chính sách “*giáo hóa*” tại vùng núi miền Trung cụ thể là ở khu vực ngoại biên, các viên chức thừa hành của triều Nguyễn đã vì những nhiệm vụ trước mắt nên thường có xu hướng sử dụng vũ lực để trấn áp hơn là chăm lo “*giáo hóa*” cho nhân dân. Công cụ “*quyền lực mềm*” này đôi lúc bị các viên chức thừa hành cấp địa phương, cấp vùng xem nhẹ, thậm chí cố tình bỏ

qua. Do đó những dấu vết của Đại Nam in hằn lên những vùng đất mới được mở rộng như Trấn Ninh, Trấn Tĩnh, Trấn Biên, Trấn Định hay Cửu Châu ki mi thì hầu như bị xoá sạch sau khi quân đội triều Nguyễn rút về phía bên này biên giới.

Thay vì thực thi những chính sách “giáo hóa” để giúp cho quá trình “hội nhập” quốc gia của vùng núi, thì triều Nguyễn, với cái nhìn cực đoan, đã xem vùng núi, nơi cư trú của đông đảo các tộc người thiểu số, là vùng an ninh, nặng về cai trị, trấn giữ hơn là thúc đẩy, hội nhập sâu rộng về văn hóa. Ngay cả Nguyễn Văn Tường, trong bản tấu sớ dâng vua Tự Đức vào tháng 7 năm 1870, cũng đã có những lời cảnh báo như sau: “*Người xưa có nói: “được một viên quan huyện tốt hơn là có 1.300 quân tinh nhuệ, được 1 quan phủ tốt hơn là có 3 vạn quân tinh nhuệ”. Nếu không có chính sự hà khắc thì sẽ không có phản nghịch lớn*” [10, tr. 1259]. Do đó, không thể đổ lỗi cho chính sách lưu quan, và lại càng không thể chấp nhận việc quay trở lại với chế độ thổ quan.

3. Kết luận

1. Có thể nói, chủ trương “giáo hóa” tầng lớp trên ở miền núi và thông qua đó để gắn kết cộng đồng dân tộc – quốc gia, thúc đẩy sự phát triển toàn diện (kinh tế, trị an, văn hóa...) tại vùng núi miền Trung nhằm đẩy nhanh tiến trình hội nhập đất nước là một chính sách đúng đắn của triều đình nhà Nguyễn, nhưng nó đã bị thất bại trước những yêu cầu thực tế của lịch sử và xu hướng phát triển của thời đại. Bởi chính sách “giáo hóa” chỉ có thể phát huy hết ý nghĩa và giá trị của nó

khi kết hợp với những chính sách phát triển về kinh tế và xã hội, và trên hết là một vị minh quân thân dân thì mới mong có được một đất nước ổn định và phát triển. Nhưng thực tế, triều Nguyễn đã không làm được như vậy. Cũng như người Pháp sau này, triều Nguyễn chỉ mới cố gắng nắm lấy tầng lớp bên trên của xã hội miền núi – tức bộ máy thống trị - để duy trì những ảnh hưởng và quyền lực của mình. Còn đại bộ phận nhân dân ở bên dưới đã không thực sự được quan tâm và vẫn chịu cảnh ngu muội, hạn chế về nhiều mặt. Trong khi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã đạt tới đỉnh cao và mọi vùng đất vốn tưởng chừng như bất khả xâm phạm, khó ai có thể đến được, thì nay dấu chân của các nhà truyền giáo và thương nhân đã lan toả trên khắp địa cầu. Họ từng bước gây dựng, thiết lập được những ảnh hưởng của mình và lôi kéo đồng bào các dân tộc miền núi đi theo họ, gây nên những trở ngại lâu dài cho quá trình hòa hợp, cố kết dân tộc - quốc gia ở Việt Nam.

2. Chính sách “giáo hóa” của triều Nguyễn tại một địa bàn rộng lớn, đa sắc tộc, đa văn hóa, có trình độ phát triển khác nhau và tiến trình hội nhập quốc gia sớm muộn khác nhau, đặt trong bối cảnh của thời đại, có những hạn chế nhất định, song ở một mặt nào đó, nó cũng đã thành công trong mục tiêu bảo vệ nền trật tự trị an ở vùng núi và giữ vững công tác quốc phòng ở biên cương, tạo điều kiện cho sự vững bền của vương triều và đặt nền móng cho công cuộc xây dựng cộng đồng quốc gia thống nhất – đa dân tộc, đa văn hóa Việt Nam.

(Xem tiếp trang 144)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Cung (1998), *Lịch sử vùng cao qua Vũ man tạp lục thư*, Nxb Nhật Lệ.
2. Phan Hữu Dật, Lâm Bá Nam (2001), *Chính sách dân tộc của các chính quyền nhà nước phong kiến Việt Nam (X-XIX)*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
3. Henri Maitre (2008), *Rừng người Thượng (Phần III)*, Nxb Tri thức, HN.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T1)*, Nxb Giáo dục, HN.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T2)*, Nxb Giáo dục, HN.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T3)*, Nxb Giáo dục, HN.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T4)*, Nxb Giáo dục, HN.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T5)*, Nxb Giáo dục, HN.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T6)*, Nxb Giáo dục, HN.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (T7)*, Nxb Giáo dục, HN.